BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 2965.../QĐ-ĐHNL-ĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành chương trình đào tạo đại học liên thông hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/06/2012; Luật sử đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học";*

*Căn cứ thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế đào tạo trình độ đại học";*

*Căn cứ thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ Đại học";*

*Căn cứ quyết định 2500/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 18/08/2021 về việc ban hành "Quy chế học vụ áp dụng cho Bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ";*

*Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành chương trình đào tạo đại học liên thông hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học cho các ngành.

(*Chương trình đào tạo đính kèm*)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3:** Ban Giám hiệu, Ông (Bà) Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên các ngành/chuyên ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

***Nơi nhận:***
- Ban Giám hiệu;
- Trưởng các Khoa;
- Lưu: HC, ĐT.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
---

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3965/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

**Bậc hệ: Đại học Vừa Làm Vừa Học**
**Khoa đào tạo: Kinh tế**
**Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136**
**Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0**

**Mã ngành: 7340301**
**Ngành: Kế toán**
**Chuyên Ngành: Kế toán**
**Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | TS | LT | TH | TT | DA | LA | Năm | Học kỳ | Học trước | Tiên quyết | Song hành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1. Khối kiến thức cơ bản** | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 200101 | Triết học Mác Lênin | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | | |
| 2 | 202114 | Toán cao cấp C1 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | | |
| 3 | 213603 | Anh văn 1 | 4 | 60 | 60 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | | |
| 4 | 214103 | Tin học đại cương | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | | |
| 5 | 200102 | Kinh tế chính trị Mác- Lênin | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | 200101 | | |
| 6 | 202115 | Toán cao cấp C2 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | | | |
| 7 | 202121 | Xác suất thống kê | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | 202114 | | |
| 8 | 202622 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | | | |
| 9 | 213604 | Anh văn 2 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | 213603 | | |
| 10 | 200103 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | | | |
| 11 | 200107 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 200103 | | |
| 12 | 200105 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | 200107 | | |
| *Cộng* | | | *32* | *495* | *465* | *30* | *0* | *0* | *0* | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 202620 | Kỹ năng giao tiếp | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | | | |
| 2 | 202621 | Xã hội học đại cương | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | | | |
| *Cộng* | | | *4* | *60* | *60* | *0* | *0* | *0* | *0* | | | | | |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
---

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 2965/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

**Bậc hệ: Đại học Vừa Làm Vừa Học**
**Khoa đào tạo: Kinh tế**
**Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136**
**Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0**

**Mã ngành: 7340301**
**Ngành: Kế toán**
**Chuyên Ngành: Kế toán**
**Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | TS | LT | TH | TT | DA | LA | Năm | Học kỳ | Học trước | Tiên quyết | Song hành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **2. Khối kiến thức cơ sở ngành** | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 208109 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | | |
| 2 | 208110 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | 208109 | | |
| 3 | 208231 | Nguyên lý thống kê kinh tế | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | | | |
| 4 | 208324 | Pháp luật về kế toán | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | 202622 | | |
| 5 | 208336 | Nguyên lý kế toán | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | | | |
| 6 | 208340 | Tài chính tiền tệ | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | 208110 | | |
| 7 | 208322 | Toán tài chính | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 208340 | | |
| 8 | 208342 | Pháp luật thuế | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | | 208336 | |
| 9 | 208306 | Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | 208336 | | |
| *Cộng* | | | *24* | *360* | *360* | *0* | *0* | *0* | *0* | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 5 TC** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 208416 | Quản trị học | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | | | |
| 2 | 208213 | Thống kê doanh nghiệp | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 202121 | | |
| 3 | 208307 | Lý thuyết tài chính | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | | | |
| 4 | 208309 | Phân tích định lượng trong kế toán | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | | | |
| 5 | 208453 | Marketing căn bản | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | | | |
| 6 | 208308 | Nghiệp vụ xuất nhập khẩu | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | | | |
| 7 | 208442 | Soạn thảo hợp đồng kinh tế | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | | | |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
---

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 6965/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

**Bậc hệ: Đại học Vừa Làm Vừa Học**
**Khoa đào tạo: Kinh tế**
**Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136**
**Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0**

**Mã ngành: 7340301**
**Ngành: Kế toán**
**Chuyên Ngành: Kế toán**
**Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | TS | LT | TH | TT | DA | LA | Năm | Học kỳ | Học trước | Tiên quyết | Song hành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *Cộng* | | | *17* | *285* | *225* | *60* | *0* | *0* | *0* | | | | | |
| **3. Khối kiến thức chuyên ngành** | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 208316 | Kế toán tài chính 1 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 208336 | | |
| 2 | 208347 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | 208340 | | |
| 3 | 208348 | Kế toán tài chính 2 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | 208316 | | |
| 4 | 208300 | Kế toán tài chính 3 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208348 | | |
| 5 | 208311 | Kế toán hành chính sự nghiệp 1 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208348 | | |
| 6 | 208351 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208347 | | |
| 7 | 208312 | Kế toán hành chính sự nghiệp 2 | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 208311 | | |
| 8 | 208335 | Kế toán quản trị | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | | 208336 | |
| 9 | 208343 | Sổ sách chứng từ kế toán | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 208300 | | |
| 10 | 208911 | Kế toán tài chính 4 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 208300 | | |
| 11 | 208356 | Lý thuyết kiểm toán | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 2 | 208343<br>208911 | | |
| 12 | 208357 | Hệ thống thông tin kế toán | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 2 | 208300 | | |
| 13 | 208313 | Thực tập nghề nghiệp | 3 | 90 | 0 | 0 | 90 | 0 | 0 | 5 | 1 | 208911 | | |
| *Cộng* | | | *37* | *630* | *480* | *60* | *90* | *0* | *0* | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 26 TC** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 208327 | Nghiệp vụ thanh toán | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 208340 | | |
| 2 | 208345 | Tín dụng ngân hàng | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 208340 | | |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
---

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3965/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

**Bậc hệ: Đại học Vừa Làm Vừa Học**
**Khoa đào tạo: Kinh tế**
**Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136**
**Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0**

**Mã ngành: 7340301**
**Ngành: Kế toán**
**Chuyên Ngành: Kế toán**
**Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | TS | LT | TH | TT | DA | LA | Năm | Học kỳ | Học trước | Tiên quyết | Song hành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | 208425 | Thị trường chứng khoán | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | 208340 | | |
| 4 | 208319 | Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208306 | | |
| 5 | 208372 | Kế toán ngân hàng | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208348 | | |
| 6 | 208374 | Kế toán nông nghiệp | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208348 | | |
| 7 | 208376 | Kế toán chi phí | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 208348 | | |
| 8 | 208373 | Kế toán xây dựng | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 208348 | | |
| 9 | 208375 | Kế toán thương mại, dịch vụ | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 208348 | | |
| 10 | 208421 | Dự án đầu tư | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 208110 | | |
| 11 | 208303 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 2 | | | |
| 12 | 208314 | Kế toán trên Excel | 3 | 75 | 15 | 60 | 0 | 0 | 0 | 4 | 2 | 208911 | | |
| 13 | 208329 | Khai báo thuế | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 4 | 2 | 208342 | | |
| 14 | 208912 | Kế toán tài chính 5 | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 2 | 208911 | | |
| 15 | 208302 | Kiểm toán phần hành | 2 | 45 | 15 | 30 | 0 | 0 | 0 | 5 | 1 | 208356 | | |
| 16 | 208315 | Phần mềm kế toán | 3 | 75 | 15 | 60 | 0 | 0 | 0 | 5 | 1 | 208911 | | |
| 17 | 208317 | Phân tích hoạt động doanh nghiệp | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 1 | 208911 | | |
| 18 | 208325 | Đối chiếu kế toán quốc tế | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 1 | 208300 | | |
| 19 | 208320 | Kế toán thực hành 1** | 3 | 60 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 5 | 2 | 208911 | | |
| 20 | 208321 | Kế toán thực hành 2** | 2 | 45 | 15 | 30 | 0 | 0 | 0 | 5 | 2 | 208312 | | |
| 21 | 208323 | Phân tích tài chính doanh nghiệp** | 3 | 45 | 45 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 2 | 208351 | | |
| 22 | 208361 | Tổ chức công tác kế toán** | 2 | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 2 | 208911 | | |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3965/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

**Bậc hệ: Đại học Vừa Làm Vừa Học**
**Khoa đào tạo: Kinh tế**
**Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136**
**Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0**

**Mã ngành: 7340301**
**Ngành: Kế toán**
**Chuyên Ngành: Kế toán**
**Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | TS | LT | TH | TT | DA | LA | Năm | Học kỳ | Học trước | Tiên quyết | Song hành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *Cộng* | | | *56* | *975* | *705* | *270* | *0* | *0* | *0* | | | | | |
| **Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 10 TC** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 208350 | Tiểu luận tốt nghiệp ngành Kế toán | 5 | 75 | 0 | 0 | 0 | 75 | 0 | 5 | 2 | | | |
| 2 | 208399 | Khoá luận tốt nghiệp ngành Kế toán | 10 | 150 | 0 | 0 | 0 | 150 | 0 | 5 | 2 | | | |
| *Cộng* | | | *15* | *225* | *0* | *0* | *0* | *225* | *0* | | | | | |

***Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 93***

***Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 43***

**Nhóm tốt nghiệp sẽ có 3 hình thức lựa chọn:**

**1. Khóa luận tốt nghiệp (10 TC)**

**2. Tiểu luận tốt nghiệp (5 TC) + phải đạt thêm tối thiểu 5 TC của các học phần đánh đấu (**) trong nhóm tự chọn chuyên ngành 0301**

**3. Các học phần thay thế tốt nghiệp (phải đạt thêm tối thiểu 10 TC (các học phần có đánh dấu (**)) trong nhóm tự chọn chuyên ngành 0301)**

**(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy**

**Lưu ý: Ngoài số 136 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường**

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 12 năm 2021

| Hiệu Trưởng | Trưởng Phòng Đào Tạo | Trưởng Khoa/ Bộ môn |
|---|---|---|
| PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng | TS.Võ Thái Dân | TS.Lê Công Trứ |